Chi tiết mã HS 8451.40.00

Mã HS	8451.40.00
Mô tả hàng hóa	Các loại máy (trừ máy thuộc nhóm 84.50) dùng để giặt, làm sạch, vắt, sấy, là hơi, ép (kể cả ép mếch), tẩy trắng, nhuộm, hồ bóng, hoàn tất, tráng phủ hoặc ngâm tẩm sợi, vải dệt hoặc hàng dệt đã hoàn thiện và các máy dùng để phết hồ lên lớp vải đế hoặc lớp vải nền khác, dùng trong sản xuất hàng trải sàn như vải sơn lót sàn; máy để quấn, tở (xả), gấp, cắt hoặc cắt hình răng cưa vải dệt / - Máy giặt, tẩy trắng hoặc nhuộm
Đơn vị	chiếc
Thời điểm tạo	11/11/2026 18:01:42
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/84514000/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	5	5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K14025
Thuế NK ưu đãi (MFN)	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N14025
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q14025
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái

AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ACFTA	0 (-KH)	0% (trừ KH)	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0(-KH)	0% (trừ KH)	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E13348
ATIGA	2022	2022	0	AT!E13289
ATIGA	2023	2023	0	AT!F13289
ATIGA	2024	2024	0	AT!G13289
ATIGA	2025	2025	0	AT!H13289
ATIGA	2026	2026	0	AT!I13289
ATIGA	2027	2027	0	AT!J13289
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E13343
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F13343
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G13343
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H13343

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I13343
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J13343
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E13344
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F13344
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G13344
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H13344
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I13344
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J13344
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F13347
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H13295
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F13303
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G13303
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H13303
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I13303
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J13303
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K13303
VKFTA	2022	2022	0	VK!E13334
VKFTA	2023	2023	0	VK!F13334
VKFTA	2024	2024	0	VK!G13334
VKFTA	2025	2025	0	VK!H13334
VKFTA	2026	2026	0	VK!I13334
VKFTA	2027	2027	0	VK!J13334
VCFTA	2022	2022	0	VC!D13383
VCFTA	2023	2023	0	VC!E13383
VCFTA	2024	2024	0	VC!F13383
VCFTA	2025	2025	0	VC!G13383

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2026	2026	0	VC!H13383
VCFTA	2027	2027	0	VC!I13383
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D13366
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E13366
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F13366
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G13366
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H13366
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I13366
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D13366
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E13366
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F13366
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G13366
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H13366
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I13366
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D13381
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E13381
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F13381
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G13381
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H13381
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I13381
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D13380
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E13380
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F13380
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G13380
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H13380
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I13380

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D13360
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E13360
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F13360
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G13360
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H13360
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I13360
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J13360
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D13368
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E13368
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F13368
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G13368
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H13368
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I13368
RCEP B	2022	2022	0	B!D13368
RCEP B	2023	2023	0	B!E13368
RCEP B	2024	2024	0	B!F13368
RCEP B	2025	2025	0	B!G13368
RCEP B	2026	2026	0	B!H13368
RCEP B	2027	2027	0	B!I13368
RCEP C	2022	2022	0	C!D13368
RCEP C	2023	2023	0	C!E13368
RCEP C	2024	2024	0	C!F13368
RCEP C	2025	2025	0	C!G13368
RCEP C	2026	2026	0	C!H13368
RCEP C	2027	2027	0	C!I13368
RCEP D	2022	2022	0	D!D13367

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2023	2023	0	D!E13367
RCEP D	2024	2024	0	D!F13367
RCEP D	2025	2025	0	D!G13367
RCEP D	2026	2026	0	D!H13367
RCEP D	2027	2027	0	D!I13367
RCEP E	2022	2022	0	E!D13371
RCEP E	2023	2023	0	E!E13371
RCEP E	2024	2024	0	E!F13371
RCEP E	2025	2025	0	E!G13371
RCEP E	2026	2026	0	E!H13371
RCEP E	2027	2027	0	E!I13371
RCEP F	2022	2022	0	F!D13368
RCEP F	2023	2023	0	F!E13368
RCEP F	2024	2024	0	F!F13368
RCEP F	2025	2025	0	F!G13368
RCEP F	2026	2026	0	F!H13368
RCEP F	2027	2027	0	F!I13368
VIFTA	2024	2024	0	VI!F12403
VIFTA	2025	2025	0	VI!G12403
VIFTA	2026	2026	0	VI!H12403
VIFTA	2027	2027	0	VI!I12403

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 8451.40.00. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 0% của mã 8451.40.00 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N14025), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.